**Tuần 13:**

**Unit 4: Festivals and Free Time**

**Lesson 3: Talk about a Vietnamese festival**

**I. New words:**

1. decorate a house and a tree: trang trí nhà, cây

2. buy (v): mua

3. candy (n): kẹo

4. flower (n): hoa

5. fruit (n): trái cây

6. get lucky money: nhận tiền lì xì

7. gift (n) = present (n): quà

8. watch parade: xem diễu hành

9. watch fireworks: xem pháo hoa

10. traditional (adj): truyền thống

🡪 eat traditional food: ăn món ăn truyền thống

11. visit family and friends (v): thăm viếng gia đình và bạn bè.

12. celebrate (v): làm lễ kỷ niệm

13. Lunar New Year: Tết âm lịch

14. prepare (v): chuẩn bị

15. wear new clothes: mặc quần áo mới

16. excited (adj): thú vị

**II. Useful language:**

How do people prepare for Christmas? Mọi người chuẩn bị gì cho lễ Giáng sinh?

🡪 They decorate their homes and buy gifts. Họ trang trí nhà cửa và mua quà

What do they do during Christmas? Họ làm gì trong lễ Giáng sinh?

🡪 They visit family and friends. Họ thăm viếng gia đình và bạn bè.

**III. Exercise:**

**A. PRONUNCIATION : *Choose the word whose underlined part is pronounced differently. (Chọn từ có phần gạch chân được phát âm khác)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. A. buy**s** | B. get**s** | C. wear**s** | D. prepare**s** |
| 2. A. wear**s** | B. decorate**s** | C. plant**s** | D. visit**s** |
| 3. A. clean**s** | B. love**s** | C. concert**s** | D. song**s** |
| 4. A. gift**s** | B. present**s** | C. stop**s** | D. parade**s** |
| 5. A. book**s** | B. enjoy**s** | C. cat**s** | D. map**s** |

***B. Choose A, B, C or D: (Chọn A, B, C hoặc D)***

1. Children …………..…… new clothes and get lucky money during Tet.

A. make B. wear C. bring D. watch

1. Vietnamese people often …………..……. their houses before Tet.
2. decorate B. eat C. drink D. wear
3. Children like Tet because they …............... and don’t go to school.
4. do the laundry B. get lucky money C. do the shopping D. buy flowers

4. People eat moon cakes during ……………………

A. Tet B. Mid- Autumn Festival C. Halloween D. Christmas

5. Vietnamese people ………. traditonal food with their families on New Year’s Eve.

A. eat B. drink C. go D. do

6. People usually …………..…….. trees and their homes to prepare for Christmas.

A. decorate B. cut C. buy D. visit

7. People often …………..…….. lion dances and fireworks during Tet.

A. get B. decorate C. watch D. play

8. …………..…….. Tet, people visit their family and friends.

A. Before B. After C. At D. During

9.………………… is the biggest traditional holiday in Vietnam.

A. Halloween B. Tet C. Mid-Autumn D. New Year

10. Before Tet, people …………..…….. fruits and flowers and decorate their houses.

A. get B. make C. buy D. play

***C. Read the passage and choose the best answer among A, B, C or D: (đọc đoạn văn và chọn câu trả lời đúng nhất)***

People have celebrated Tet in Vietnam for many years. Before Tet, people (1)…………fruits and flowers. They also decorate their houses. (2) ........... Tet, everyone visits their family and friends and no one goes to school or work. Many children (3) .......... new clothes and they (4) ………….. People often (5)……….lion dances and fireworks. This traditional holiday is very popular and …………people love it.

1. A. buy B. get C. bring D. watch

2. A. Before B. After C. At D. During

3. A. make B. wear C. bring D. watch

4. A. do the laundry B. get lucky money C. do the shopping D. buy flowers

5. A. decorate B. eat C. watch D. wear

6. A. Vietnamese B. Chinese D. Korean D. English

***Read the passage carefully, then write TRUE or FALSE: (Đọc đoạn văn và viết chữ (True) nếu câu đúng và (False) nếu câu sai)***

1. In Vietnam, people buy fruits and flowers before Tet. ………

2.People visit their family and friends during Tet. ………

3. Before Tet, children wear new clothes and get lucky money. ………

4. During Tet, people watch fireworks or lion dances. ………